TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-PT
Ngày 29 - 12 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thuỷ và ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký TAND tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trần Huy T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

* *Bị đơn*: Anh Trần Hữu T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Trần Thị T2, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn, anh Trần Huy T trình bày: Do có quan hệ bạn bè nên từ khoảng tháng 6 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 rất nhiều lần anh cho anh Trần Hữu T1 vay tiền để làm ăn; mỗi lần vay và trả tiền thì anh đều ghi vào sổ theo dõi của gia đình. Tính đến ngày 08/10/2019, hai bên chốt sổ thì anh T1 còn

nợ tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ hai bên thoả thuận bằng miệng. Để đảm bảo cho khoản vay, anh T1 thế chấp mảnh đất có diện tích 300m^2 đất vườn và 60m^2 đất thổ cư, trên đất có 01 căn nhà 02 tầng, nguồn gốc thửa đất trên do bố mẹ đẻ anh T1 tặng cho. Sau khi thoả thuận và chốt sổ, anh T1 đã viết giấy vay tiền và nhận nợ (Giấy vay tiền đề ngày 08/10/2019). Trong giấy vay tiền có ghi thế chấp diện tích đất và căn nhà nêu trên nhưng thực tế anh T1 không đưa cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hay các giấy tờ liên quan đến đất.

Đến hạn trả nợ, anh T1 chỉ hứa mà không thực hiện nghĩa vụ và có dấu hiệu chiếm đoạt số tiền vay. Vì vậy, anh đã làm đơn tố cáo anh T1 đến Công an huyện L. Ngày 22/10/2022, tại trụ sở Công an huyện L, anh T1 thừa nhận, tự viết giấy nhận nợ tiền gốc là 3.500.000.000 đồng, hẹn ngày 15/12/2022 dương lịch trả hết nợ và không tính lãi. Do đã hết hạn trả nợ nhưng anh T1 không trả nên anh T khởi kiện, yêu cầu anh T1 trả nợ gốc 3.500.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng, kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi trả hết nợ; trường hợp anh T1 không trả được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất để đối trừ nghĩa vụ.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Hữu T1 trình bày: Anh và vợ chồng anh T, chị T2 có quan hệ bạn bè và là người cùng xã. Việc anh T cho anh vay tiền là thực tế, tuy nhiên số tiền anh còn nợ anh T là 1.650.000.000 đồng; anh T, chị Thuỷ tính tiền lãi ngày cộng vào nên mới thành 3.500.000.000 đồng. Giấy vay tiền và nhận nợ đề ngày 08/10/2019 là do anh tự viết, tuy nhiên do anh T ép buộc viết giấy nhận nợ. Nay anh xác định chỉ nợ anh T số tiền 1.650.000.000 đồng, đây là khoản tiền anh vay riêng của anh T; chị T2 là vợ anh T nhưng chỉ ghi chép sổ sách, không trực tiếp cho anh T1 vay nên anh T1 chỉ chấp nhận trả cho anh T khoản tiền trên. Đối với thửa đất gia đình đang ở là tài sản của bố mẹ anh, cho anh xây nhà để ở chứ chưa sang tên cho anh, hiện nhà và đất bố mẹ anh đã thế chấp ngân hàng để cho anh vay tiền lấy vốn làm ăn. Việc anh ghi thế chấp nhà đất vào giấy vay tiền là do anh T yêu cầu ghi vào để làm tin.

* Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T2: Chị và anh T là vợ chồng, khoản tiền anh T cho anh T1 vay là tài sản chung của vợ chồng chị, nhưng do anh T cho anh T1 vay riêng, nên chị đề nghị anh T1 phải trả cho anh T T1 bộ khoản tiền là 3.500.000.000 đồng. Việc vay mượn chị là người biết và ghi vào sổ sách, khi hai bên thống nhất chốt sổ số tiền trên, anh T1 đã viết Giấy vay tiền và nhận nợ nên T1 bộ sổ sách trước chị đã huỷ nay không còn lưu giữ. Việc anh T1 cho rằng anh T cho anh T1 vay tiền với mức lãi xuất 2.000 đồng/ triệu/ngày là không có căn cứ.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Huy T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm trả anh số tiền gốc là 3.500.000.000 *(Ba tỷ năm trăm triệu)* đồng và tiền lãi theo mức lãi xuất ngân hàng quy định kể từ ngày 16/12/2022 cho đến khi trả hết nợ. Không đề nghị Toà án xử lý tài sản thế chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 116, 117, 463,466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Huy T đối với anh Trần Hữu T1, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc anh Trần Hữu T1 có trách nhiệm trả cho anh Trần Huy T số tiền gốc là: 3.500.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2023 là 275.006.000 đồng. Tổng cộng là: 3.775.006.000 *(Ba tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu không trăm linh sáu nghìn)*đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Trả lại anh Trần Huy T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 51.000.000 *(Năm mươi mốt triệu)* đồng, theo biên lai số 0002305 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Anh Trần Hữu T1 phải nộp T1 bộ án phí dân sự sơ thẩm là 107.500.000 *(Một trăm linh bảy triệu năm trăm nghìn)* đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/10/2023, bị đơn anh Trần Hữu T1 kháng cáo T1 bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, không nhất trí với số tiền gốc phải trả cho anh T 3.500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 275.006.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Hữu T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam. Án phí phúc thẩm anh Trần Hữu T1 phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ngày 20/10/2023 của bị đơn anh Trần Hữu T1 trong thời hạn luật định nên là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

- Về xác định số tiền nợ gốc: Xét thấy, theo anh T1 và anh T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm thì "Giấy vay tiền và nhận nợ" và "Giấy cam kết" được anh T1 viết tại trụ sở Công an huyện L và tại nhà anh T1, có sự chứng kiến của nhiều người; anh T1 cũng thừa nhận tại thời điểm viết các văn bản trên thì anh T không có hành vi đe dọa gì. Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 22/8/2023, anh T1 có quan điểm đề nghị trả anh T số tiền gốc 2.300.000.000 đồng và không trả lãi do đang khó khăn về kinh tế. Vì vậy, việc anh T1 cho rằng chỉ nợ anh T số tiền gốc là 1.650.000.000 đồng, anh T tự tính lãi 2.000đ/triệu/ngày trên số nợ gốc 1.650.000.000 đồng nên cộng lại thành 3.500.000.000 đồng và "Giấy vay tiền và nhận nợ", "Giấy cam kết" do bị anh T ép phải viết là không phù hợp và không có căn cứ.

Như vậy, căn cứ vào "Giấy vay tiền và nhận nợ" ngày 08/10/2019 và "Giấy cam kết" ngày 18/01/2022 do anh T1 viết và ký tên thì anh T1 nợ anh T với số tiền gốc là 3.500.000.000đồng.

Do đó, kháng cáo của anh T1 cho rằng chỉ nợ anh T với số tiền gốc 1.650.000.000 đồng là không có căn cứ.

- Về tiền lãi: Tại "Giấy vay tiền và nhận nợ" đề ngày 08/10/2019, anh T1 cam kết nếu đến ngày 15/12/2022 mà không trả được nợ thì sẽ giao nhà đất cho anh T bán thu nợ. Tại "Giấy cam kết" đề ngày 18/01/2022, anh T1 cam kết trả nợ anh T trong thời gian 45 ngày kể từ ngày viết giấy. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh T đề nghị tính lãi từ ngày 16/12/2022 là phù hợp với thời hạn ghi trong Giấy vay tiền và nhận nợ. Như vậy, Bản án sơ thẩm tính lãi kể từ ngày tiếp theo ngày cam kết trả nợ, tức từ ngày 16/12/2022 là có căn cứ.

Về mức lãi suất: Anh T cho rằng hai bên thỏa thuận lãi là 2%/tháng; anh T1 cho rằng anh T tính lãi là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, các đương

sự đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Do có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, với mức 10%/năm là có căn cứ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc bị đơn anh Trần Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 107.500.000 đồng là đúng quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Như vậy, T1 bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Hữu T1 là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trần Hữu T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh Trần Hữu T1 đã nộp được đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Hữu T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463,466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Huy T đối với bị đơn anh Trần Hữu T1.

Buộc anh Trần Hữu T1 phải trả cho anh Trần Huy T số tiền gốc là 3.500.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2023 là 275.006.000 đồng. Tổng số tiền anh Trần Hữu T1 phải trả cho anh Trần Huy T là 3.775.006.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu không trăm linh sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Trần Hữu T1 phải nộp 107.500.000 đồng (Một trăm linh bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000863 ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L được đối trừ.

Trả lại anh Trần Huy T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng), theo biên lai số 0002305 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSDN tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải